

CHƯƠNG 6: NHẬP TƯ LƯƠNG

Luận nói: Do bốn thứ như thật trí, là danh, nghĩa, tự tánh và sai biệt, vì bốn thứ như thật trí bất khả đắc.

Giải thích: Đây tức là xứ thứ bảy trong tám xứ. Thế nào là chỗ dẫn như thật trí của danh tâm tư? Nếu Bồ-tát đối với danh đã tâm tư chỉ có danh, sau đó biết như thật chỉ có danh. Thế gian vì làm rõ nghĩa này nên trong nghĩa này mà lập danh này, làm tướng kiến ngôn thuyết. Nếu thế gian không an lập danh của sắc, thì trong sắc loại không có một người nào có thể tướng loại này. Sắc đó nếu không thể tướng được thì không tăng ích. Nếu không có tăng ích thì không khởi chấp trước. Nếu không có chấp trước thì không thể dạy bảo lẫn nhau. Nếu Bồ-tát biết danh như vậy thì danh đó gọi là chỗ dẫn đệ nhất như thật trí của tâm tư. Thế nào là chỗ dẫn như thật trí của nghĩa tâm tư? Nếu Bồ-tát đối với nghĩa đã tâm tư mà chỉ có nghĩa, thì biết như thật nghĩa là tất cả ngôn thuyết và bất khả ngôn thuyết, là loại của sắc thọ... sắc phi sắc bất khả thuyết, pháp phi pháp bất khả thuyết, đó gọi là chỗ dẫn đệ nhị như thật trí của danh nghĩa tâm tư. Thế nào là chỗ dẫn như thật trí của tự tánh tâm tư? Nếu Bồ-tát trong loại tự tánh ngôn thuyết của sắc danh, đã tâm tư mà chỉ có ngôn thuyết, do tự tánh ngôn thuyết mà loại này không phải là tánh của nó, như tự tánh nó hiển hiện thì Bồ-tát như thật thông đạt loại này, ví như biến hóa, gương và hình, tiếng vang, ánh sáng và bóng, mộng tưởng, huyền sự... phi loại mà tự loại hiển hiện, gọi đó là chỗ dẫn đệ tam như thật trí của tự tánh tâm tư, lấy nghĩa thậm thâm làm cảnh giới. Thế nào là chỗ dẫn như thật trí của sai biệt tâm tư? Nếu Bồ-tát trong ngôn thuyết sai biệt đã tâm tư mà chỉ có tâm tư, thì trong loại của sắc Bồ-tát thấy sai biệt ngôn thuyết, không có hai nghĩa. Loại này là không có phi không có, do thể khả ngôn không thành tự, không có phi không có thì do thể bất khả ngôn thành tự. Như vậy phi sắc do chân đế cho nên là phi phi sắc. Do tục đế cho nên trong đó là hữu sắc ngôn thuyết. Như hữu không có và sắc phi sắc, sai biệt ngôn thuyết của hữu kiến và phi kiến như vậy biệt và loại. Do đạo lý này phải biết đều là như vậy. Nếu Bồ-tát như thật biết sai biệt ngôn thuyết không có hai nghĩa, thì gọi đó là chỗ dẫn đệ tứ như thật trí của sai biệt tâm tư. Trước đã nói danh và nghĩa, sau nói tự tánh sai biệt. Trong bốn thứ này đều giả lập ngôn thuyết là muốn làm rõ cái gì? Để làm rõ nghĩa bất khả đắc. Do nghĩa bất khả đắc nên danh cũng không có tự tánh và sai biệt, cho nên Bồ-tát tâm tư danh này, chỉ có giả lập tự tánh sai biệt. Như vậy vượt

qua, nghi và quyết liễu gọi là tầm tư, nhân theo tầm tư này, Bồ-tát quán danh nghĩa cả hai không có gì, gọi đó là như thật trí.

Luận nói: Hoặc Bồ-tát đã nhập đã hiểu các nghĩa như vậy.

Giải thích: Đã nhập là đã đắc bốn thứ tầm tư, đã hiểu là đã đắc bốn thứ như thật trí.

Luận nói: Thì tu gia hạnh để nhập duy thức quán.

Giải thích: Địa tiền lục độ và bốn thứ thông đạt phần thiện căn gọi là gia hạnh, từ vị nguyện ưa cho đến vị cứu cánh, gọi chung là duy thức quán. Nếu muốn nhập duy thức quán thì tu gia hạnh duyên cảnh giới nào?

Luận nói: Ý ngôn phân biệt trong quán này là tự tự ngôn và nghĩa hiển hiện.

Giải thích: Từ vị nguyện ưa cho đến vị cứu cánh gọi là đang trong quán, duyên ý ngôn phân biệt làm cảnh thì lìa vô biệt ngoại cảnh này. Tại sao vậy? Vì ý ngôn phân biệt này là tự văn tự ngôn thuyết và nghĩa hiển hiện.

Luận nói: Trong đây là tự ngôn tướng, chỉ có ý ngôn phân biệt mới đắc thông đạt như vậy.

Giải thích: Chỉ có ý ngôn phân biệt không có riêng có danh, Bồ-tát có thể thông đạt danh không có gì thì lìa tà chấp của ngoại trần.

Luận nói: Nghĩa này nương vào danh ngôn, nhưng ý ngôn phân biệt cũng thông đạt như vậy.

Giải thích: Trước đã xua danh, sau đây nương vào danh để xua nghĩa. Nghĩa tức là cảnh đối tượng của lục thức. Lìa danh thì không có riêng cảnh này, cho nên nương vào danh để xua nghĩa. Danh ngôn đã chỉ có ý phân biệt, nghĩa cũng không khác thế, Bồ-tát có thể thông đạt nghĩa không có gì thì cũng lìa tà chấp ngoại trần này.

Luận nói: Danh nghĩa tự tánh sai biệt này, chỉ giả thuyết làm lượng cũng thông đạt như vậy.

Giải thích: Trước đã xua danh nghĩa, danh nghĩa đã không có danh nghĩa tự tánh và danh sai biệt, thì làm sao có thể lập? Nếu lìa giả thuyết không có riêng danh nghĩa tự tánh và danh nghĩa sai biệt. Do chứng kiến hai pháp bất khả đắc này, gọi là thông đạt.

Luận nói: Kế tiếp trong vị này, chứng đắc chỉ có ý ngôn phân biệt.

Giải thích: Là người Quán hành đã xua đuổi ngoại trần, trong quán này lại duyên cảnh nào? quán tất cả cảnh chỉ là ý ngôn phân biệt. Người Quán hành này duyên ý ngôn phân biệt làm cảnh, chưa có khả

năng xua cảnh này. Nếu chưa có thể xua duy thức cảnh, thì trong vị này xua cảnh nào? cho nó hết sạch không còn sót? Ngôi vị này chỉ không thấy bốn cảnh. Thế nào là bốn cảnh?

Luận nói: Là người Quán hành không thấy danh và nghĩa, không thấy tự tánh sai biệt giả thuyết, do thật tướng bất đắc đã có tự tánh sai biệt nghĩa.

Giải thích: Danh nghĩa là gốc, danh và nghĩa mỗi thức đều có giả thuyết tự tánh và sai biệt, tức là danh không thấy tự tánh sai biệt giả thuyết, tức là không thấy tự tánh sai biệt danh. Xua tan bốn pháp này vĩnh viễn hết không sót. Do tâm duyên ý ngôn phân biệt làm cảnh, quyết định kiên trụ, cho nên không còn phân biệt các cảnh khác. Do bốn thứ tâm tư và bốn thứ như thật trí, đã liễu biệt bốn pháp này thì quyết định không có gì, tâm không duyên tướng này. Không duyên tướng này cho nên không đắc bốn thứ phân biệt này. Nếu do hai thứ phương tiện xua đui ngoại trần phân biệt thì lại có phương tiện và cảnh giới gì riêng để được nhập chân quán?

Luận nói: Do bốn thứ tâm tư và bốn thứ như thật trí.

Giải thích: Trước là đáp câu hỏi trước là không có riêng phương tiện, do bốn thứ tâm tư và bốn thứ như thật trí. Chỗ nhiếp của bốn pháp Tam-ma-đề là nhập phương tiện.

Luận nói: Đối với ý ngôn phân biệt hiển hiện tựa danh và nghĩa.

Giải thích: Tiếp theo đáp câu hỏi sau là không có cảnh giới riêng. Phàm phu từ xưa nay, ý ngôn phân biệt có hai thứ, một là tự danh, hai là tự nghĩa. Danh và nghĩa đều nhiếp hết tất cả pháp. Danh nghĩa này chỉ là chỗ tạo tác của ý ngôn phân biệt. Là ý ngôn phân biệt này thì không có pháp nào khác.

Luận nói: Được nhập duy thức quán.

Giải thích: Nướng vào phương tiện này mà duyên cảnh giới này thì được nhập duy thức chân quán.

Luận nói: Trong duy thức quán nhập pháp gì? Pháp nào được nhập?

Giải thích: Sau đây thuyết minh Đệ Bát xứ trong tám xứ. Trong đây có hai câu hỏi, một là hỏi chỗ nhập pháp, hai là hỏi chỗ nhập thí dụ.

Luận nói: Chỉ nhập Duy lượng.

Giải thích: Dưới đây trước đáp câu hỏi thứ nhất là chỉ nhập Duy lượng. Duy thức lượng này nhiếp mấy thứ pháp ?

Luận nói: Hai pháp tướng và kiến.

Giải thích: Duy thức này không ngoài hai pháp: 1. Tướng thức. 2. Kiến thức. Lại nữa, tợ trần hiển hiện gọi là tướng, là đối tượng cảnh; tợ thức hiển hiện gọi là kiến, là năng duyên thức. Hai pháp này, một là nhân và một là quả. Lại nữa, một là sở y, một là năng y.

Luận nói: Chủng chủng tướng mạo.

Giải thích: Hai pháp này từ vô thủy sinh tử đến nay đã tập quen cho nên nhanh chóng, do đó trong cùng một lúc có chủng chủng tướng mạo khởi. Như vậy ba pháp này người Quán hành quán duy thức được nhập.

Luận nói: Danh nghĩa tự tánh sai biệt, giả thuyết tự tánh sai biệt nghĩa, sáu thứ tướng Vô nghĩa.

Giải thích: Danh và nghĩa mỗi thứ đều có ba thứ thì thành sáu. Danh có ba là: 1. Danh. 2. Tự tánh. 3. Sai biệt. Nghĩa có ba, cũng như thế. Sáu thứ tướng này đều vô nghĩa. Tại sao vậy? Danh vốn là tự nghĩa, nghĩa không có gì cho nên danh không có nghĩa. Danh này là tự có nghĩa, là tướng đương vô nghĩa. Nếu có nghĩa, thì nghĩa không có gì cho nên danh không có nghĩa. Nếu danh không có thì nghĩa cũng không có, vì không có gì. Danh không có nghĩa thì nghĩa cũng không có nghĩa. Rồi ngoài duy thức lượng thì không có riêng nghĩa nào khác, cho nên nghĩa cũng không có nghĩa. Danh đã không có nghĩa thì danh tự tánh và danh sai biệt cũng không có nghĩa. Nghĩa đã không có nghĩa thì nghĩa tự tánh và nghĩa sai biệt cũng không có nghĩa. Đây nói rõ sáu tướng này không có nghĩa để làm rõ nhập Duy lượng quán. Đã rõ nhập Duy lượng quán rồi, vì sao nhập tướng kiến quán ?

Luận nói: Do năng thủ và sở thủ này, không phải hữu vi là nghĩa.

Giải thích: Đây tức là đối với tướng mà kiến tướng, không phải năng thủ và sở thủ. Tại sao vậy? Vì tợ trần hiển hiện cho nên không phải năng thủ. Là thức thì không có riêng trần cho nên không phải sở thủ, kiến cũng không phải năng thủ và sở thủ. Hiển hiện tựa thức cho nên không phải sở thủ, sở thủ trần đã không có thì thức cũng không có, cho nên không phải năng thủ. Đã không có năng thủ và sở thủ cho nên chẳng có nghĩa. Do không thấy có thể của năng thủ và sở thủ nên gọi là nhập tướng kiến quán. Đã nói rõ nhập tướng kiến quán, vì sao nhập chủng chủng tướng mạo quán?

Luận nói: Đồng thời hiển hiện, vì tướng tự chủng chủng tướng mạo và sinh.

Giải thích: Nếu Bồ-tát thấy tánh y tha hiển hiện, thì tợ chủng chủng tướng mạo nhưng thật ra không có tướng. Thấy tánh y tha hiển

hiện tựa sinh, thật ra không có sinh, trong nhất thời có thể quán chủng chủng tướng mạo không có tướng và không có sinh, gọi là chủng chủng tướng mạo quán. Để làm rõ nhập ba pháp quán tánh cho nên nói thí dụ dây leo.

Luận nói: Ví như trong tối, dây leo hiển hiện giống con rắn.

Giải thích: Người thấy tướng dây, chấp cho là rắn. Dưới đây là đáp câu hỏi thứ hai. Chúng sinh từ xưa đến nay, không nghe nói nghĩa tam vô tánh của Đại thừa thập nhị bộ kinh, chưa đắc Văn tuệ, bị ba thứ phiền não che chướng. Dụ như trong tối, thì có người cho đó là nhị thừa và phàm phu. Tướng dây là dụ cho tánh y tha; rắn là dụ cho phân biệt tánh. Nhị thừa và phàm phu không hiểu rõ tánh y tha, nên chấp phân biệt tánh có người có pháp.

Luận nói: Cũng như trong sợi dây, thì rắn tức là hư vọng, thật ra không có.

Giải thích: Trong tánh y tha, thì phân biệt tánh là hư vọng, thật ra không có nhân và pháp.

Luận nói: Hoặc người đã hiểu rõ nghĩa sợi dây này.

Giải thích: Ví như Bồ-tát đã được Văn tuệ và Tư tuệ, nhập duy thức phương tiện quán.

Luận nói: Lúc trước, loạn trí cho rắn không duyên cảnh mà khởi thì liền diệt mất, chỉ có trí biết sự dây tồn tại.

Giải thích: Khi chưa đắc Văn tuệ và Tư tuệ thì trong phàm phu vị chấp có nhân pháp. Chấp này vốn không có cảnh, sau khi đắc Văn tuệ và Tư tuệ, liễu biệt tánh y tha, chấp này liền diệt, chỉ có tánh y tha trí tồn tại.

Luận nói: Trí biết rõ sợi dây này do phân tích vi tế, trống trơn không có thật cảnh.

Giải thích: Nếu người duyên tướng bốn trần để phân tích sợi dây này, thì chỉ thấy bốn tướng mà không thấy riêng sợi dây, cho nên trí biết rõ sợi dây là hư vọng. Vì hư vọng cho nên là rối loạn không có thật cảnh. Vọng khởi chấp cảnh.

Luận nói: Tại sao vậy? Vì chỉ là tướng của sắc hương vị xúc.

Giải thích: Tại sao vậy? Sợi dây không phải thật có, lìa ngoài bốn trần này thì không riêng có sợi dây.

Luận nói: Nếu tâm duyên cảnh này, thì trí biết sợi dây cũng phải diệt.

Giải thích: Đây là thuyết minh trí biết sợi dây, tuy có thể xua đi thô loạn chấp, nhưng tự nó là tế loạn chấp, nên có thể trừ được. Trong

phương tiện tuy lấy tánh y tha để xua đi phân biệt tánh thô loạn chấp, nhưng thấy có tánh y tha thì tự nó không tránh khỏi là tế loạn chấp. Sau đó nhập chân quán thì liền xua đi chấp này, cho nên phải có thể trừ.

Luận nói: Nếu đã thấy như vậy rồi, diệt mất sáu tướng hiển hiện ý ngôn phân biệt của tự danh và tự nghĩa.

Giải thích: Tất cả pháp chỉ có sáu tướng, sáu tướng này chỉ là ý ngôn phân biệt. Lìa ý ngôn phân biệt thì sáu tướng đó thật không có gì. Do trí như vậy, người Quán hành được nhập phân biệt tánh.

Luận nói: Trần trí không sinh là thí dụ cho xà trí (trí hiểu con rắn).

Giải thích: Khi nhập phân biệt tánh thì trần trí không được sinh. Nếu khi hiểu rõ là sợi dây thì xà trí không sinh. Câu nói này và thí dụ chỉ rõ nhập phân biệt tánh.

Luận nói: Trong diệt nghĩa của sáu tướng, thì duy thức trí cũng phải có thể diệt, ví như đăng trí (trí hiểu sợi dây).

Giải thích: Trong nhập phân biệt tánh vị, thì Bồ-tát đã chứng vô tướng tánh, vô tướng tánh này có thể dẫn vô sinh tánh trí, duy thức trí phải có thể phục diệt. Nếu như khi biết rõ bốn thứ vi tế thì đăng trí không sinh.

Luận nói: Do nương vào chân như trí.

Giải thích: Nương vào vô tướng tánh trí được nhập vô sinh tánh. Câu nói này và thí dụ để làm rõ nhập tánh y tha và chân thật tánh.

Luận nói: Bồ-tát như vậy, do nhập tự nghĩa mà hiển hiện ý ngôn phân biệt tướng, được nhập phân biệt tánh. Do nhập duy thức nghĩa cho nên được nhập tánh y tha. Làm sao được nhập chân thật tánh?

Giải thích: Nếu Bồ-tát đã biết rõ tất cả pháp chỉ là ý ngôn phân biệt, thì lìa ngoài phân biệt này thật ra là không có gì cả. Do nương vào ý ngôn phân biệt mà biết rõ phân biệt vô tướng tánh. Nếu Bồ-tát không thấy ngoài trần mà chỉ thấy ý ngôn phân biệt tức là biết rõ tánh y tha. Làm thế nào để biết rõ pháp này? Nếu lìa nhân duyên thì tự nó không sinh căn trần, vì nhân duyên căn trần đã không thành. Pháp này không có nhân duyên thì làm sao được sinh? Cho nên Bồ-tát có thể biết rõ tánh y tha và vô sinh tánh, tức là biết rõ chân như thật tánh.

Luận nói: Hoặc đã xả duy thức tướng rồi.

Giải thích: Nếu Bồ-tát nương vào chân quán thứ nhất nhập tánh y tha, do chân quán thứ hai trừ tánh y tha, thì xả duy thức tướng.

Luận nói: Lúc đó ý ngôn phân biệt, trước hết Sở văn pháp huân tập chủng loại.

Giải thích: Là khi nhập chân quán, cho nên nói là lúc đó. Từ khi bắt đầu tu học cho đến khi nhập chân quán, thì ý thức giác quán tư duy ức trì nhớ giữ. Trước kia được nghe chánh giáo và những gì chánh giáo làm sáng tỏ, gọi là ý ngôn phân biệt. Trước kia nhờ nghe chánh giáo, sinh thói quen, cho nên nói là huân tập, sau đó cảnh giới được nhớ chắc cũng giống như sở lưu của cảnh giới lúc trước, cho nên gọi là chủng loại.

Luận nói: Bồ-tát đã biết rõ thì phục diệt trần tưởng.

Giải thích: Bồ-tát nương vào tứ tâm tư đã biết rõ lục trần, nương vào tứ như thật trí mà đã phục diệt trần tưởng.

Luận nói: Tợ nhất thiết nghĩa hiển hiện, không sinh duyên lại nữa, do đó không được sinh.

Giải thích: Trước kia ý ngôn phân biệt hiển hiện, tương tự tất cả nghĩa của sở văn và sở tư, cho đến tương tự duy thức tướng đều không được sinh. Tại sao vậy? Vì không được sinh duyên. Sinh duyên có hai thứ là phân biệt tánh và tánh y tha. Phân biệt tánh đã diệt thì tánh y tha cũng không được sinh, vì đã không có hai cảnh, tất cả nghĩa cho đến tợ duy thức tướng đều không được sinh. Lại nữa, lúc đó không có một phẩm loại nào của trần mà không phải là điều Bồ-tát biết rõ, cũng được tương tự trần này mà khởi ý ngôn phân biệt, sinh duyên của ý ngôn phân biệt đều dứt hết. Đã không có sinh duyên, lúc này tất cả ý ngôn phân biệt đều không được sinh.

Luận nói: Do đó tợ ý ngôn phân biệt của duy thức cũng không được sinh.

Giải thích: Câu nói này là muốn làm rõ nghĩa gì? Duy thức tướng này nếu làm tâm phân biệt thì tướng này trở thành cảnh giới, cảnh giới chấp này do hoàn toàn phục diệt cho đến duy thức tướng cũng không được khởi, huống gì ý ngôn phân biệt mà sẽ được sinh?

Luận nói: Do nghĩa này.

Giải thích: Do Bồ-tát nương vào tánh y tha mà trừ tánh phân biệt, nương vào tánh chân thật mà trừ tánh y tha. Nếu tất cả đều bị trừ bỏ thì Bồ-tát trụ xứ nào? tâm Bồ-tát duyên cảnh giới nào?

Luận nói: Bồ-tát chỉ trụ trong tất cả nghĩa danh của vô phân biệt.

Giải thích: Vô phân biệt trí là danh. Tướng của danh này là gì? Là tất cả nghĩa của không phân biệt. Nghĩa tức là cảnh. Trí này đối với tất cả cảnh không có lại hai thứ phân biệt năng thủ sở thủ, tức là lập trí này làm Bồ-tát. Lại nữa, danh là đến cứu cánh danh chung với tất cả pháp.

Đối với tất cả pháp không có sai biệt, danh này tức là pháp giới, pháp giới này chung với tất cả pháp. Tất cả nghĩa của không phân biệt làm tướng, hoặc gọi là vô phân biệt cảnh. Bồ-tát chỉ ở trong pháp này. Lại nữa, đã đáp câu hỏi thứ nhất.

Luận nói: Do Vô phân biệt trí đặc chứng đặc trụ chân như pháp giới.

Giải thích: Không phân biệt, năng thủ, sở thủ, nhân và pháp cho đến tướng, sinh tánh sai biệt, đặc vô phân biệt trí như vậy, được chứng trụ chân như pháp giới. Các địa đều có ba phần, là nhập, trụ và xuất. Đặc chứng đặc trụ tức là hai phần trước. Chưa đặc khiến cho đặc là chứng, đã đặc khiến cho không mất gọi là trụ. Lại nữa, Đặc thứ nhất gọi là nhập, đã đặc tương tục gọi là trụ. Đây là đáp câu hỏi thứ hai.

Luận nói: Lúc đó Bồ-tát bình đẳng với bình đẳng.

Giải thích: Là khi nhập chân như quán thì trí của Bồ-tát nương vào mười thứ bình đẳng, như trong Kinh Thập Địa nói. Lại cũng nương vào hai thứ bình đẳng là năng duyên và sở duyên. Năng duyên tức là vô phân biệt trí, vì vô phân biệt trí cho nên gọi là bình đẳng. Sở duyên tức là chân như cảnh, cảnh cũng vô phân biệt cho nên gọi là bình đẳng. Lại nữa, cảnh và trí này không trụ trong nghĩa năng thủ và sở thủ, ví như hư không cho nên nói bình đẳng với bình đẳng. Vì tối thượng vô đẳng trong bình đẳng cho nên nói hai lần bình đẳng.

Luận nói: Năng duyên và sở duyên do vô phân biệt trí sinh.

Giải thích: Vô phân biệt trí sinh có tướng mạo gì? Nương vào mười thứ bình đẳng thì năng duyên và sở duyên đều bình đẳng, vì vô phân biệt trí sinh. Lại nữa, vô phân biệt trí nương vào hai thứ bình đẳng là trí và cảnh, Năng duyên và sở duyên đều bình đẳng, vì vô phân biệt trí sinh. Lại nữa, vô phân biệt trí nương vào tối cực bình đẳng vì không trụ năng duyên và sở duyên, vì vô phân biệt trí sinh.

Luận nói: Do nghĩa này mà Bồ-tát được nhập chân thật tánh.

Giải thích: Như từ trước đến đây đã giải thích thứ tự các nghĩa phương tiện và nghĩa phải nói ở sau. Nói do nghĩa này, người hướng đến Sơ địa gọi là Bồ-tát. Do các nghĩa này được chứng thấy chân thật tánh, tánh này là ngôi vị bất khả ngôn thuyết. Tại sao vậy? Vì từ những gì mà mình chứng. Khi chứng thì lìa giác quán tư duy phân biệt, trước đã nói Bồ-tát chỉ trụ trong danh nghĩa của tất cả vô phân biệt. Danh này bao nhiêu thứ? Lại lấy pháp gì để làm danh?

Luận nói: Trong đây nói kệ.

Giải thích: Vì đáp các câu này cho nên nói kệ này.

Luận nói: *Pháp nhân và pháp nghĩa
Tánh thì gom, danh rộng,
Bất tịnh, tịnh cứu cánh,
Mười danh sai biệt cảnh.*

Giải thích: Danh có mười thứ là cảnh giới của Bồ-tát. Những gì là mười? 1. Pháp danh, là nhân nhĩ... của sắc thọ... 2. Nhân danh, là tín hành, pháp hành... 3. Pháp danh, là Tu-đa-la, Kỳ-dạ... 4. Nghĩa danh, là chỗ đã làm sáng các nghĩa danh của mười hai Bộ Kinh đã hiển bày. 5. Tánh danh, là không có nghĩa văn tự. 6. Lược danh, là tên chung của chúng sinh. 7. Quảng danh, là chúng sinh mỗi mỗi đều có tiếng riêng. 8. Bất tịnh danh, là phàm phu. 9. Tịnh danh, là thánh nhân. 10. Cứu cánh danh, là chung với tất cả pháp Thật tế Chân như.

Luận nói: Cảnh sai biệt của mười danh.

Giải thích: Mười thứ danh sai biệt này đều là cảnh giới của Bồ-tát. Chỗ trụ của Bồ-tát chỉ tại danh thứ mười là chung tất cả pháp. Lại nữa, lược nói danh có mười thứ là cảnh giới của Bồ-tát: 1. Pháp danh là nhân... 2. Nhân danh là ngã và chúng sinh. 3. Pháp danh là mười hai bộ kinh giáo. 4. Nghĩa danh là nghĩa của mười hai bộ kinh giáo. 5. Tánh danh là A-A làm âm ban đầu. Ha là âm tối hậu và ba mươi bảy chữ hợp ghép nhau. 6. Lược danh là hữu vi và vô vi. 7. Quảng danh là sắc thọ... và không... 8. Bất tịnh danh là phàm phu. 9. Tịnh danh là Tu-đa-hoàn. 10. Cứu cánh danh là duyên thông suốt cảnh, là cảnh Chân như của tất cả pháp, làm sở duyên của trí xuất thế và trí sau khi xuất thế đạt được...

Luận nói: Bồ-tát do nhập duy thức quán như vậy, được nhập tướng hiểu biết thù thắng.

Giải thích: Như vậy là phương tiện, thứ đệ, thời tiết, xả, đặc... Bồ-tát do nghĩa như vậy mà được nhập duy thức quán, hoặc nhập quán phương tiện Duy thức, hoặc nhập quán chân thật về duy thức. Do quán duy thức mà có thể thông đạt ba vô tánh, được thể nhập tướng nhận biết thù thắng.

